

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01185**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020074	Huỳnh Băng	Băng	26/07/2009			8.8	8.3				9.8		9.3
2	2453403020075	Võ Thị Kim	Chi	19/06/2009			8	9.0				9.5		9.2
3	2453403020076	Trần Khánh	Duy	03/02/2009			8.3	8.3				9.3		8.9
4	2453403020077	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2009			8.8	7.5				7.8		7.9
5	2453403020078	Hà Phong	Đạt	05/08/2009			8	6.3				7.5		7.2
6	2453403020079	Kiều Thanh	Đức	29/04/2008			5	5.0				0.0		2.0
7	2453403020080	Âu Kỳ Hiếu	Em	23/04/2009			8	8.0				9.5		8.9
8	2453403020081	Huỳnh Gia	Hân	25/07/2009			8.3	8.0				10.0		9.2
9	2453403020082	Lâm Kiến	Hồng	19/09/2009			8.5	8.3				9.8		9.2
10	2453403020083	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	17/04/2009			8.8	8.3				10.0		9.4
11	2453403020084	Dương Lê	Huy	08/10/2009			8.3	8.3				8.3		8.3
12	2453403020086	Nguyễn Đình	Lợi	16/08/2009			8.3	7.8				7.8		7.9
13	2453403020087	Nur Juliy Ah	Mach	29/05/2008			8.8	7.0				0.0		3.0
14	2453403020088	Trần Gia	Mãng	25/09/2009			8.8	6.5				5.5		6.2
15	2453403020089	Thái Hoàng	Minh	14/06/2009			0	0.0				CT		0.0
16	2453403020090	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	02/06/2001			8.3	8.0				10.0		9.2
17	2453403020091	Lê Bảo	Ngọc	04/10/2009			8.8	6.0				8.8		8.1
18	2453403020092	Trần Kim	Ngọc	16/05/2009			8.3	6.5				7.3		7.2
19	2453403020093	Đặng Thị Mỹ	Như	15/01/2009			8.5	9.0				8.0		8.3
20	2453403020094	Phạm Hoàng	Phúc	04/04/2009			0	0.0				CT		0.0
21	2453403020095	Siti	Saphira	18/03/2009			8.8	7.8				9.3		8.8
22	2453403020096	Bùi Đăng Hữu	Tài	16/04/2009			9	5.8				8.8		8.0
23	2453403020097	Nguyễn Thọ	Thành	29/12/2009			8.3	5.0				8.3		7.4
24	2453403020098	Dương Nhật	Thị	04/05/2009			8.8	6.3				8.0		7.7
25	2453403020099	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	07/08/2009			8.8	6.3				9.8		8.7
26	2453403020100	Trịnh Phú	Trạng	04/03/2008			5	7.8				8.3		7.7
27	2453403020102	Phan Thái Ngọc	Trâm	28/08/2009			8	8.3				9.3		8.9
28	2453403020103	Đình Đào Thanh	Trúc	30/07/2009			8.3	7.8				8.5		8.3
29	2453403020104	Hồ Thị Cẩm	Tú	30/12/2009			8	5.8				8.3		7.6
30	2453403020105	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyền	11/08/2009			8.3	5.5				8.0		7.4
31	2453403020106	Đình Phạm Mỹ	Uyên	09/11/2009			8.8	9.3				9.3		9.2
32	2453403020107	Nguyễn Thị Kim	Uyên	08/01/2009			8.5	8.3				9.3		8.9
33	2453403020108	Nguyễn Thị Mai	Vàng	19/09/2009			8.3	7.3				8.0		7.9
34	2453403020109	Lâm Yến	Vy	04/02/2009			8.8	6.5				8.3		7.9
35	2453403020110	Nguyễn Tường	Vy	15/10/2009			8.8	6.3				9.3		8.4
36	2453403020111	Lâm Xuân	Yến	11/08/2009			8	6.5				9.5		8.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Văn Sầm